

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ



SỔ TAY HƯỚNG DẪN
ĐĂNG KÝ
DOANH NGHIỆP

TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ

Uông Bí, năm 2023

Mục lục

	Trang
✓ Lời nói đầu	3
✓ Lợi ích của việc thành lập doanh nghiệp hoặc chuyển đổi từ hộ kinh doanh thành doanh nghiệp	4
✓ Một số văn bản pháp luật trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp	5
✓ Một số khái niệm cơ bản	6
✓ Các quyền của Doanh nghiệp	8
✓ Các nghĩa vụ của Doanh nghiệp	9
✓ Thành lập Doanh nghiệp	10
✓ Các hành vi bị nghiêm cấm	11
✓ Các loại hình doanh nghiệp	12
✓ Đặt tên doanh nghiệp như thế nào cho đúng với quy định của pháp luật?	14
✓ Ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp	17
✓ Thông tin thành lập doanh nghiệp	19
✓ Sau khi thành lập Doanh nghiệp cần phải thực hiện nội dung gì	20
✓ Một số câu hỏi thường gặp trong lĩnh vực Đăng ký doanh nghiệp	21
✓ Khi cần hướng dẫn thủ tục thành lập doanh nghiệp tại thành phố Uông Bí liên hệ ở đâu?	42

Lời nói đầu

Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành đã có những tác động tích cực trong tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, thúc đẩy thành lập, phát triển và mở rộng kinh doanh của các doanh nghiệp.

Với mục tiêu mang đến công cụ hỗ trợ đắc lực cho các doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân có ý định thành lập doanh nghiệp để hiện thực hóa ý tưởng kinh doanh của mình, Sổ tay hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp được xây dựng theo những vấn đề cơ bản, các câu hỏi đáp và tình huống thực tiễn sẽ hướng dẫn việc đăng ký doanh nghiệp của các loại hình doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành.

Lợi ích của việc thành lập Doanh nghiệp hoặc chuyển đổi từ Hộ kinh doanh thành Doanh nghiệp

- Có tư cách pháp nhân sau khi thành lập để giao dịch, ký hợp đồng với Khách hàng. Với việc chịu trách nhiệm trên tư cách pháp nhân, sẽ mang lại sự tin tưởng với đối tác hơn.
- Công ty là một loại hình kinh doanh được pháp luật cho phép, đồng thời có những hành lang pháp lý giúp cho hoạt động của doanh nghiệp rõ ràng, minh bạch và tin cậy hơn. Pháp luật cũng quy định rõ chi tiết quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong doanh nghiệp. Việc đó giúp cho các giao dịch trở nên hợp pháp, tránh được các tranh chấp không mong muốn.
- Có thể xuất hóa đơn cho Khách hàng, một nhu cầu rất quan trọng đối với mọi Doanh nghiệp.
- Tiếp cận được vốn vay và các ưu đãi đặc biệt của nhà nước khi muốn mở rộng kinh doanh, tăng doanh thu, lợi nhuận. Việc thành lập doanh nghiệp tạo khả năng huy động vốn khi doanh nghiệp đi vào hoạt động; trở thành một phần của thị trường, do đó tạo được nguồn lợi nhuận lớn hơn các loại hình khác
- Marketing thương hiệu trở nên chuyên nghiệp hơn, thuận lợi trong việc mở rộng quy mô thông qua chi nhánh/văn phòng tại các tỉnh thành phố khác.
- Dễ dàng tuyển dụng lao động hơn.
- Tạo sự cạnh tranh để giúp đưa chất lượng sản phẩm, dịch vụ ngày càng tốt hơn và giúp giảm giá thành.

Một số văn bản pháp luật trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp

Để thành lập và vận hành doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật, người thành lập doanh nghiệp cần tìm hiểu một số văn bản quy phạm pháp luật chính điều chỉnh/liên quan đến lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp sau:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020
- Luật hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ: 04/2017/QH14 ngày 12/06/2017
- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020
- Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/06/2017. Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
- Nghị định số 122/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về phối hợp, liên thông thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, khai trình việc sử dụng lao động, cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội, đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp
- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp
- Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp
- Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp

Một số khái niệm cơ bản

- **Doanh nghiệp** là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh.
- **Chi nhánh** là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp, bao gồm cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh phải đúng với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp.
- **Văn phòng đại diện** là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của doanh nghiệp và bảo vệ các lợi ích đó. Văn phòng đại diện không thực hiện chức năng kinh doanh của doanh nghiệp.
- **Điều kiện đầu tư kinh doanh** là điều kiện cá nhân, tổ chức phải đáp ứng khi thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.
- **Đăng ký doanh nghiệp** là việc người thành lập doanh nghiệp đăng ký thông tin về doanh nghiệp dự kiến thành lập, doanh nghiệp đăng ký những thay đổi trong thông tin về đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh và được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Đăng ký doanh nghiệp bao gồm đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và các nghĩa vụ đăng ký, thông báo khác theo quy định của pháp luật.
- **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp** là văn bản bằng bản giấy hoặc bản điện tử ghi lại những thông tin về đăng ký doanh nghiệp mà Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp không phải là giấy phép kinh doanh.
- **Mã số doanh nghiệp** là dãy số được tạo bởi Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, được cấp cho doanh nghiệp khi thành lập và được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp có một mã số duy nhất và không được sử dụng lại để

cấp cho doanh nghiệp khác. Khi doanh nghiệp chấm dứt hoạt động thì mã số doanh nghiệp chấm dứt hiệu lực. Mã số này đồng thời là mã số thuế và mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp.

- **Giấy tờ pháp lý của cá nhân** là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.
- **Góp vốn** là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty, bao gồm góp vốn để thành lập công ty hoặc góp thêm vốn điều lệ của công ty đã được thành lập.
- **Tài sản góp vốn** là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam.
- **Người thành lập doanh nghiệp** là cá nhân, tổ chức thành lập hoặc góp vốn để thành lập doanh nghiệp.
- **Người quản lý doanh nghiệp** là người quản lý doanh nghiệp tư nhân và người quản lý công ty, bao gồm chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty.
- **Cổ đông** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.
- **Cổ đông sáng lập** là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.
- **Thành viên công ty** là cá nhân, tổ chức sở hữu một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty hợp danh.
- **Trụ sở chính** của doanh nghiệp đặt trên lãnh thổ Việt Nam, là địa chỉ liên lạc của doanh nghiệp và được xác định theo địa giới đơn vị hành chính; có số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có).
- **Vốn điều lệ** là tổng giá trị tài sản do các thành viên công ty, chủ sở hữu công ty đã góp hoặc cam kết góp khi thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần.

CÁC QUYỀN CỦA DOANH NGHIỆP

- Tự do kinh doanh ngành, nghề mà luật không cấm.
- Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh.
- Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.
- Tự do tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.
- Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.
- Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.
- Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh; được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.
- Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.
- Từ chối yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân về cung cấp nguồn lực không theo quy định của pháp luật.
- Khiếu nại, tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.
- Quyền khác theo quy định của pháp luật.

CÁC NGHĨA VỤ CỦA DOANH NGHIỆP

Để đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong suốt vòng đời hoạt động, doanh nghiệp cần lưu ý thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ sau:

- Đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.
- Thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, báo cáo và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.
- Tổ chức công tác kế toán, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật; không phân biệt đối xử, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không ngược đãi lao động, cưỡng bức lao động hoặc sử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện các chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.
- Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

1. **Tổ chức, cá nhân có quyền thành lập, góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp.**
2. **Cá nhân sau đây không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam:**
 - Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;
 - Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp hoặc quản lý tại doanh nghiệp nhà nước;
 - Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;
 - Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người bị mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; tổ chức không có tư cách pháp nhân;
 - Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; các trường hợp khác theo quy định của Luật Phá sản, Luật Phòng, chống tham nhũng;

Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh có yêu cầu, người đăng ký thành lập doanh nghiệp phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh.

Các hành vi bị nghiêm cấm

- Cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, yêu cầu người thành lập doanh nghiệp nộp thêm giấy tờ khác trái với quy định của Luật Doanh nghiệp; gây chậm trễ, phiền hà, cản trở, sách nhiễu người thành lập doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Ngăn cản chủ sở hữu, thành viên, cổ đông của doanh nghiệp thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- Hoạt động kinh doanh dưới hình thức doanh nghiệp mà không đăng ký hoặc tiếp tục kinh doanh khi đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp đang bị tạm dừng hoạt động kinh doanh.
- kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và nội dung hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.
- kê khai không vốn điều lệ, không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký; cố ý định giá tài sản góp vốn không đúng giá trị.
- Kinh doanh các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh; kinh doanh ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài; kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh trong quá trình hoạt động.
- Lừa đảo, rửa tiền, tài trợ khủng bố.

Các loại hình doanh nghiệp

ĐIỂM KHÁC BIỆT	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
	Không có tư cách pháp nhân	Có tư cách pháp nhân
	Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ	Công ty TNHH một thành viên là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu
	Tài sản của chủ doanh nghiệp không tách biệt với tài sản của doanh nghiệp	Tài sản của chủ sở hữu công ty tách biệt với tài sản của công ty
	Chủ doanh nghiệp tư nhân tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp	Chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty
	Doanh nghiệp tư nhân có thể chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần hoặc công ty hợp danh theo quyết định của chủ doanh nghiệp tư nhân	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có thể chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần
	Chủ doanh nghiệp tư nhân có quyền bán, cho thuê toàn bộ doanh nghiệp tư nhân của mình	Chủ sở hữu công ty có quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác
	Doanh nghiệp tư nhân không được quyền góp vốn thành lập hoặc mua cổ phần, phần vốn góp trong công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần	Chủ sở hữu công ty có quyền quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác
	Doanh nghiệp tư nhân không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào	Công ty TNHH một thành viên được phát hành cổ phần trong trường hợp để chuyển đổi thành công ty cổ phần và phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật

	CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN	CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỂM TƯƠNG ĐỒNG	Thành viên/cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân	
	Có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	
	Tài sản của thành viên/cổ đông tách biệt với tài sản của công ty	
	Được chuyển đổi từ công ty cổ phần thành công ty TNHH và ngược lại	
	Thành viên/cổ đông chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp	
	Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký thành viên/sổ đăng ký cổ đông ngay sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký thành viên/sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập hợp dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin sở hữu phần vốn góp/cổ phần của các thành viên/cổ đông công ty	
ĐIỂM KHÁC BIỆT	Số lượng thành viên tối thiểu là 02 và tối đa là 50	Số lượng cổ đông tối thiểu là 03 và không hạn chế số lượng tối đa
	Phần vốn góp của thành viên chỉ được chuyển nhượng theo quy định tại các Điều 51, 52 và 53 của Luật Doanh nghiệp	Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp
	Vốn điều lệ của công ty TNHH hai thành viên trở lên khi đăng ký thành lập doanh nghiệp là tổng giá trị phần vốn góp của các thành viên cam kết góp và ghi trong Điều lệ công ty.	Vốn điều lệ của công ty cổ phần khi đăng ký thành lập doanh nghiệp là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã được đăng ký mua và được ghi trong Điều lệ công ty.
	Công ty TNHH hai thành viên trở lên được phát hành cổ phần trong trường hợp để chuyển đổi thành công ty cổ phần và phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật	Công ty cổ phần có quyền phát hành cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác của công ty.

Đặt tên doanh nghiệp như thế nào cho đúng với quy định của pháp luật?

QUY TẮC ĐẶT TÊN TIẾNG VIỆT

Tên doanh nghiệp = “Loại hình doanh nghiệp” + “Tên riêng”

- Loại hình doanh nghiệp được viết là:
 - Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn: “công ty trách nhiệm hữu hạn” hoặc “công ty TNHH”
 - Đối với công ty cổ phần: “công ty cổ phần” hoặc “công ty CP”
 - Đối với công ty hợp danh: “công ty hợp danh” hoặc “công ty HD”
 - Đối với doanh nghiệp tư nhân: “doanh nghiệp tư nhân”, “DNTN” hoặc “doanh nghiệp TN”
- Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu

Ví dụ: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ ĐẠI LÝ THUẾ A&T; Công ty Cổ phần Thương mại Thịnh Phát 68;

TÊN DOANH NGHIỆP BẰNG TIẾNG NƯỚC NGOÀI

Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

Ví dụ: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ ĐẠI LÝ THUẾ A&T có thể sử dụng tên tiếng Anh là “A&T TAX AGENCY SERVICE CO.,LTD”

TÊN VIẾT TẮT CỦA DOANH NGHIỆP

Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên bằng tiếng nước ngoài.

Ví dụ: ĐẠI LÝ THUẾ A&T

CÁC YÊU CẦU LIÊN QUAN ĐẾN TÊN DOANH NGHIỆP

- Tên doanh nghiệp phải được gắn tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.
- Tên doanh nghiệp phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.
- Trường hợp doanh nghiệp có tên bằng tiếng nước ngoài, tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của doanh nghiệp tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoặc trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.
- Tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải được viết hoặc gắn tại trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh.
- Tên chi nhánh, văn phòng đại diện được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của doanh nghiệp trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do chi nhánh, văn phòng đại diện phát hành.

NHỮNG ĐIỀU CẤM TRONG ĐẶT TÊN DOANH NGHIỆP

- Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp khác đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc, trừ những doanh nghiệp đã giải thể hoặc đã có quyết định có hiệu lực của Tòa án tuyên bố doanh nghiệp bị phá sản.
- Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.
- Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

TÊN TRÙNG VÀ TÊN GÂY NHẦM LẪN

- Tên trùng là tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được viết hoàn toàn giống với tên tiếng Việt của doanh nghiệp đã đăng ký.

- Các trường hợp được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký bao gồm:
 - Tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được đọc giống tên doanh nghiệp đã đăng ký;
 - Tên viết tắt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi một số tự nhiên, một số thứ tự hoặc một chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, chữ F, J, Z, W được viết liền hoặc cách ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó;
 - Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi một ký hiệu “&” hoặc “và”, “.”, “,”, “+”, “-”, “_”;
 - Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc từ “mới” được viết liền hoặc cách ngay sau hoặc trước tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi một cụm từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông”;
 - Tên riêng của doanh nghiệp trùng với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký.

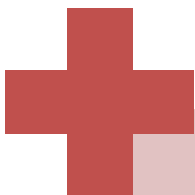
MỘT SỐ LƯU Ý

- Không được sử dụng tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của tổ chức, cá nhân đã được bảo hộ để cấu thành tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp được sự chấp thuận của chủ sở hữu tên thương mại, nhãn hiệu đó.
- Doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu đặt tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp. Trường hợp tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thì doanh nghiệp có tên vi phạm phải đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp.

GHI NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, khi thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh hoặc khi đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp lựa chọn ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam để ghi ngành, nghề kinh doanh trong Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Nội dung cụ thể của ngành kinh tế cấp bốn thực hiện theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.
- Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu ghi ngành, nghề kinh doanh chi tiết hơn ngành kinh tế cấp bốn thì doanh nghiệp lựa chọn một ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, sau đó ghi chi tiết ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp dưới ngành cấp bốn nhưng phải đảm bảo ngành, nghề kinh doanh chi tiết của doanh nghiệp phù hợp với ngành cấp bốn đã chọn. Trong trường hợp này, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp là ngành, nghề kinh doanh chi tiết doanh nghiệp đã ghi.
- Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó (trong đó, ngành, nghề kinh doanh chi tiết được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành).

- Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam nhưng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó (trong đó, ngành, nghề kinh doanh chi tiết được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành).
- Trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp không ghi ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp.
- Doanh nghiệp có thể tra cứu ngành, nghề kinh doanh của mình theo thông tin được cung cấp công khai, miễn phí trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ <https://dangkykinhdoanh.gov.vn>.



NÊN

Lựa chọn đăng ký những ngành, nghề mà doanh nghiệp sẽ hoạt động

KHÔNG NÊN

Đăng ký quá nhiều ngành, nghề kinh doanh so với thực tế hoạt động sẽ dễ gây hiểu nhầm và làm giảm mức độ tin tưởng của đối tác, khách hàng về thế mạnh, lĩnh vực kinh doanh chính của công ty bạn

THÔNG TIN THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

1. Tên Doanh nghiệp:

.....

2. Địa chỉ Công ty (Số nhà, tổ, khu, đường, phố, Phường, ...):

.....

3. Điện thoại:

4. Ngành nghề kinh doanh:

.....

.....

.....

5. Vốn điều lệ:

6. Họ tên người đại diện theo pháp luật (Giám đốc):

7. Danh sách Cổ đông/Thành viên:

Tên các cổ đông/ Thành viên	Chỗ ở hiện tại (chi tiết số nhà, tổ, khu ...)	Số vốn góp (triệu đồng)

8. Giấy tờ cá nhân: CCCD/ CMND của Cổ đông/Thành viên: 01 bản chứng thực

Sau khi thành lập Doanh nghiệp cần phải thực hiện nội dung gì

Ngay sau khi thành lập Doanh nghiệp cần phải thực hiện nội dung gì theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật quản lý thuế, Bộ Luật lao động, Luật bảo hiểm xã hội, ...

- **Đăng ký sử dụng Chữ ký số:** Chữ ký số điện tử có chức năng như “Dấu” của Doanh nghiệp nhưng dưới hình thức điện tử do các Tổ chức được cơ quan quản lý nhà nước cấp phép cung cấp (VNPT, Viettel, ...)

Sử dụng: Đăng ký Thuế điện tử; kê khai thuế điện tử; Nộp thuế điện tử; Ký hóa đơn điện tử; Ký hợp đồng điện tử; Ký hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử, ...

- **Đăng ký Thuế điện tử, Đăng ký nộp thuế điện tử, kê khai thuế**
- **Đăng ký sử dụng Hóa đơn điện tử:** Lập hóa đơn khi thực hiện cung cấp hàng hóa, dịch vụ.
- **Mở tài khoản Ngân hàng**
- **Đăng ký sử dụng phần mềm Bảo hiểm xã hội:** Khi Doanh nghiệp có sử dụng lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội.
- **Treo biển hiệu tại trụ sở Doanh nghiệp:** Biển hiệu phải có các nội dung sau:
 - Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh theo đúng giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - Địa chỉ, điện thoại.
 - Tên cơ quan chủ quản trực tiếp (nếu có). Áp dụng đối với chi nhánh, văn phòng, địa điểm kinh doanh.

MỘT SỐ CÂU HỎI THƯỜNG GẶP TRONG LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

1 **Câu hỏi:** Giấy tờ pháp lý của cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm những loại nào?

➤ **Trả lời:**

Điều 11 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP quy định Giấy tờ pháp lý của cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp như sau:

- **Đối với công dân Việt Nam:** Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực.

- **Đối với người nước ngoài:** Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực.

2 **Câu hỏi:** Hồ sơ đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gồm các giấy tờ nào?

➤ **Trả lời:**

Khi thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, gồm các giấy tờ quy định tại Điều 24 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, cụ thể:

1. Văn bản cần soạn thảo và ký:

- a. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (theo mẫu quy định tại Phụ lục I-2 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
- b. Điều lệ công ty.

2. Giấy tờ cần gửi:

- a. Bản sao Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.
- b. Bản sao Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân.

- c. Bản sao Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước) (Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự).
- d. Bản sao Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.
- e. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3

Câu hỏi: Hồ sơ đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên gồm các giấy tờ nào?

➤ **Trả lời:**

Khi thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, gồm các giấy tờ quy định tại Điều 23 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, cụ thể:

1. Văn bản cần soạn thảo và ký:

- a. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (theo mẫu quy định tại Phụ lục I-3 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
- b. Điều lệ công ty.
- c. Danh sách thành viên (theo mẫu quy định tại Phụ lục I-6 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).

2. Giấy tờ cần gửi:

- a. Bản sao Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.
- b. Bản sao Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty là cá nhân.

- c. Bản sao Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên công ty là tổ chức (Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự).
- d. Bản sao Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.
- e. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

4

Câu hỏi: Hồ sơ đăng ký thành lập công ty cổ phần gồm các giấy tờ nào?

➤ **Trả lời:**

Khi thành lập công ty cổ phần, doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, gồm các giấy tờ quy định tại Điều 23 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, cụ thể:

1. Văn bản cần soạn thảo và ký:

- a. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (theo mẫu quy định tại Phụ lục I-4 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
- b. Điều lệ công ty.
- c. Danh sách cổ đông sáng lập (theo mẫu quy định tại Phụ lục I-7 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).
- d. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (theo mẫu quy định tại Phụ lục I-8 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).

2. Giấy tờ cần gửi:

- a. Bản sao Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.
- b. Bản sao Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân.

- c. Bản sao Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức (Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự).
- d. Bản sao Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.
- e. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

5

Câu hỏi: Tôi dự định thành lập doanh nghiệp tại tỉnh Quảng Ninh. Đề nghị cho biết tôi sẽ thực hiện thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tại cơ quan nào?

➤ **Trả lời:**

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP thì Phòng đăng ký kinh doanh trực tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp; chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp; cấp hoặc từ chối cấp đăng ký doanh nghiệp.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP thì người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này nộp hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

Do vậy, bạn sẽ thực hiện thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tại Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh.

6

Câu hỏi: Đề nghị cho biết Điều lệ công ty bao gồm những nội dung nào? Ai có thẩm quyền ký bản Điều lệ công ty?

➤ **Trả lời:**

- Theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty; tên, địa chỉ chi nhánh và văn phòng đại diện (nếu có);
- Ngành, nghề kinh doanh;
- Vốn điều lệ; tổng số cổ phần, loại cổ phần và mệnh giá từng loại cổ phần đối với công ty cổ phần;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch của thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh; của chủ sở hữu công ty, thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; của cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần. Phần vốn góp và giá trị vốn góp của mỗi thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty hợp danh. Số cổ phần, loại cổ phần, mệnh giá từng loại cổ phần của cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần;
- Quyền và nghĩa vụ của thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; của cổ đông đối với công ty cổ phần;
- Cơ cấu tổ chức quản lý;
- Số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; phân chia quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật;
- Thẻ thức thông qua quyết định của công ty; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ;
- Căn cứ và phương pháp xác định tiền lương, thù lao, thưởng của người quản lý và Kiểm soát viên;
- Trường hợp thành viên, cổ đông có quyền yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc cổ phần đối với công ty cổ phần;
- Nguyên tắc phân chia lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Trường hợp giải thể, trình tự giải thể và thủ tục thanh lý tài sản công ty;
- Thẻ thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.

Điều lệ công ty khi đăng ký doanh nghiệp phải bao gồm họ, tên và chữ ký của những người sau đây:

- Thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh;

- Chủ sở hữu công ty là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu công ty là tổ chức đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- Thành viên là cá nhân và người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

- Cổ đông sáng lập là cá nhân và người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập là tổ chức đối với công ty cổ phần.

7 Câu hỏi: Người thành lập doanh nghiệp có bắt buộc phải trực tiếp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp tại Phòng Đăng ký kinh doanh hay không? Ngoài nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Đăng ký kinh doanh, người thành lập doanh nghiệp có thể nộp hồ sơ theo cách thức nào khác không? Thời hạn giải quyết hồ sơ là bao nhiêu ngày?

➤ Trả lời:

Về phương thức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Doanh nghiệp thì người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Phòng Đăng ký kinh doanh theo các phương thức sau đây:

- Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Phòng Đăng ký kinh doanh;
- Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính;
- Đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử.

Về ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:

Điều 12 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP quy định người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:

1. Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

2. Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.

3. Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.

4. Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Về thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

- Theo quy định tại Khoản 1 Điều 33 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP thì Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên doanh nghiệp yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

8

Câu hỏi: Điều kiện để doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là gì?

➤ **Trả lời:**

Khoản 1 Điều 27 Luật Doanh nghiệp quy định doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Ngành, nghề đăng ký kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh;
- Tên của doanh nghiệp được đặt theo đúng quy định tại các điều 37, 38, 39 và 41 của Luật này;

- Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ;
- Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

9 **Câu hỏi:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm những nội dung nào? Doanh nghiệp được quyền hoạt động kể từ thời điểm nào?

➤ **Trả lời:**

- Nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp quy định tại Điều 28 Luật Doanh nghiệp, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- + Tên doanh nghiệp và mã số doanh nghiệp;
- + Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;
- + Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần; đối với thành viên hợp danh của công ty hợp danh; đối với chủ doanh nghiệp của doanh nghiệp tư nhân. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp và địa chỉ trụ sở chính của thành viên là tổ chức đối với công ty trách nhiệm hữu hạn;
- + Vốn điều lệ đối với công ty, vốn đầu tư đối với doanh nghiệp tư nhân.

- Theo Khoản 2 Điều 34 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP thì các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có giá trị pháp lý kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Doanh nghiệp có quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Trường hợp doanh nghiệp đăng ký ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh sau ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì doanh nghiệp được quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày doanh nghiệp đăng ký, trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

10 **Câu hỏi:** Đề nghị cho biết mã số doanh nghiệp ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có được sử dụng như mã số thuế của doanh nghiệp không?

➤ **Trả lời:**

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP thì mỗi doanh nghiệp được cấp một mã số duy nhất gọi là mã số doanh nghiệp. Mã số này đồng thời là mã số thuế và mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp.

Khoản 2 Điều 29 Luật Doanh nghiệp quy định mã số doanh nghiệp được dùng để thực hiện nghĩa vụ về thuế, thủ tục hành chính và quyền, nghĩa vụ khác.

 Lưu ý:

- Mã số đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp được cấp cho chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp. Mã số này đồng thời là mã số thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện.

- Trường hợp doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế do vi phạm pháp luật về thuế thì doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện không được sử dụng mã số thuế trong các giao dịch kinh tế kể từ ngày Cơ quan thuế thông báo công khai về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

11

Câu hỏi: Tôi được biết khi thành lập công ty thì phải có người đại diện theo pháp luật. Đề nghị cho biết thế nào là người đại diện theo pháp luật và những lưu ý đối với người đại diện theo pháp luật trong công ty TNHH hai thành viên trở lên và công ty cổ phần là gì?

Công ty có thể cử hai người đảm nhận vai trò người đại diện theo pháp luật được không?

➤ **Trả lời:**

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Luật Doanh nghiệp thì người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Luật Doanh nghiệp cho phép công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

12

Câu hỏi: Tôi và hai người bạn cùng nhau góp vốn thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên. Trong đó:

- Tôi góp 1 tỷ đồng tiền mặt
- Người bạn thứ nhất góp một chiếc xe ô tô được định giá

900 triệu đồng

- Người bạn thứ hai góp một ngôi nhà dùng làm trụ sở của công ty được định giá 2 tỷ đồng

Với các loại tài sản như trên, chúng tôi có thể góp vốn thành lập công ty được không và có phải chuyển quyền sở hữu tài sản cho công ty hay không?

➤ **Trả lời:**

Các loại tài sản góp vốn được quy định tại Luật Doanh nghiệp. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 Luật Doanh nghiệp thì tài sản góp vốn là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam.

Việc chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn được quy định tại Khoản 1 Điều 35 Luật Doanh nghiệp. Theo đó, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và cổ đông công ty cổ phần phải chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn cho công ty theo quy định sau đây:

- Đối với tài sản có đăng ký quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đất thì người góp vốn phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản đó hoặc quyền sử dụng đất cho công ty theo quy định của pháp luật. Việc chuyển quyền sở hữu, chuyển quyền sử dụng đất đối với tài sản góp vốn không phải chịu lệ phí trước bạ;

- Đối với tài sản không đăng ký quyền sở hữu, việc góp vốn phải được thực hiện bằng việc giao nhận tài sản góp vốn có xác nhận bằng biên bản, trừ trường hợp được thực hiện thông qua tài khoản.

Lưu ý:

- Chỉ cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu hợp pháp hoặc có quyền sử dụng hợp pháp đối với tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 34 Luật Doanh nghiệp mới có quyền sử dụng tài sản đó để góp vốn theo quy định của pháp luật.

- Việc góp vốn chỉ được coi là thanh toán xong khi quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản góp vốn đã chuyển sang công ty.

- Tài sản góp vốn không phải là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng phải được các thành viên, cổ đông sáng lập hoặc tổ chức thẩm định giá định giá và được thể hiện thành Đồng Việt Nam. Trường hợp tài sản góp vốn được định giá cao hơn so với giá trị thực tế của tài sản đó tại thời điểm góp vốn thì các thành viên, cổ đông sáng lập cùng liên đới góp thêm bằng số chênh lệch giữa giá trị được định giá và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá; đồng thời liên đới chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do cố ý định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế.

13

Câu hỏi: Tôi được biết khi thành lập công ty cổ phần thì phải có một số cổ đông sẽ giữ vai trò và tư cách của cổ đông sáng lập. Đề nghị cho biết thế nào là cổ đông sáng lập và những lưu ý đối với cổ đông sáng lập trong công ty cổ phần là gì?

➤ Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 4 Luật Doanh nghiệp thì cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần. Đồng thời, tại Khoản 1 Điều 57 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP có quy định, cổ đông sáng lập quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Doanh nghiệp là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong Danh sách cổ đông sáng lập nộp cho Phòng Đăng ký kinh doanh tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp.

Như vậy, một cổ đông được coi là cổ đông sáng lập khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- (i) Cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông;
- (ii) Ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập;
- (iii) Danh sách cổ đông sáng lập đó được nộp cho Phòng Đăng ký kinh doanh tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, khi thành lập công ty cổ phần thì một số vấn đề sau đây về cổ đông sáng lập cũng nên cần được lưu ý:

- Công ty cổ phần mới thành lập phải có ít nhất 03 cổ đông sáng lập. Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước hoặc từ công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc được chia, tách, hợp nhất, sáp nhập từ công ty cổ phần khác không nhất thiết phải có cổ đông sáng lập; trường hợp này, Điều lệ công ty trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc các cổ đông phổ thông của công ty đó.

- Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán khi đăng ký thành lập doanh nghiệp.

- Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó. Các hạn chế nêu trên không áp dụng đối với cổ phần phổ thông sau đây:

- + Cổ phần mà cổ đông sáng lập có thêm sau khi đăng ký thành lập doanh nghiệp;

- + Cổ phần đã được chuyển nhượng cho người khác không phải là cổ đông sáng lập.

14

Câu hỏi: Tài khoản đăng ký kinh doanh là gì? Trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử sử dụng chữ ký số và sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh khác nhau như thế nào?

➤ **Trả lời:**

- Theo quy định tại Khoản 2 Điều 42 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP thì tài khoản đăng ký kinh doanh là tài khoản được sử dụng để xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử trong trường hợp người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp không sử dụng chữ ký số. Tài khoản đăng ký kinh doanh được tạo bởi Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cấp cho

cá nhân để thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử. Cá nhân truy cập vào Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để kê khai thông tin và tạo Tài khoản đăng ký kinh doanh.

- Trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử sử dụng chữ ký số và sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh khác nhau về công cụ ký xác thực hồ sơ.

Trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử sử dụng chữ ký số và sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh quy định lần lượt tại Điều 44, Điều 45 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; về cơ bản, được thực hiện như sau:

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử + thanh toán phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trong đó:

- Người nộp hồ sơ sử dụng chữ ký số: ký xác thực hồ sơ bằng chữ ký số.
- Người nộp hồ sơ sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: ký xác thực hồ sơ bằng Tài khoản đăng ký kinh doanh.



Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử.



Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện cấp đăng ký doanh nghiệp và thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp đăng ký doanh nghiệp.



Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện cấp đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng thông tin điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.



Lưu ý:

- Các thông tin cá nhân được kê khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để cấp Tài khoản đăng ký kinh doanh phải đầy đủ và chính xác theo các thông tin trên giấy tờ pháp lý của cá nhân và phải tuân thủ mức độ đảm bảo xác thực người nộp hồ sơ của Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Một Tài khoản đăng ký kinh doanh chỉ được cấp cho một cá nhân. Cá nhân được cấp Tài khoản đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các thông tin đăng ký để được cấp Tài khoản đăng ký kinh doanh và việc sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh.

- Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh, văn bản ủy quyền phải có thông tin liên hệ của người ủy quyền để xác thực việc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử.

- Thời hạn để doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử là 60 ngày kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ hủy hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử cũng được thực hiện theo quy trình nêu trên.

15

Câu hỏi: Chúng tôi dự định thành lập công ty nhưng đang lựa chọn giữa loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty cổ phần.

Đề nghị cho biết, với loại hình công ty nào, chúng tôi không phải góp đủ vốn ngay khi thành lập mà được cho phép một khoảng thời hạn góp vốn? Những vấn đề cần lưu ý đối với việc góp vốn là gì?

➤ **Trả lời:**

Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 47 Luật Doanh nghiệp thì thành viên phải góp vốn cho công ty đủ và đúng loại tài sản đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, không kể thời gian vận chuyển, nhập khẩu tài sản góp vốn, thực hiện thủ tục hành chính để chuyển quyền sở hữu tài sản. Trong thời hạn này, thành viên có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp đã cam kết. Thành viên công ty chỉ được góp vốn cho công ty bằng loại tài sản khác với tài sản đã cam kết nếu được sự tán thành của trên 50% số thành viên còn lại.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 47 Luật Doanh nghiệp thì sau thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này mà vẫn có thành viên chưa góp vốn hoặc chưa góp đủ phần vốn góp đã cam kết thì được xử lý như sau:

- Thành viên chưa góp vốn theo cam kết đương nhiên không còn là thành viên của công ty;
- Thành viên chưa góp đủ phần vốn góp đã cam kết có các quyền tương ứng với phần vốn góp đã góp;
- Phần vốn góp chưa góp của các thành viên được chào bán theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên.

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 47 Luật Doanh nghiệp thì trường hợp có thành viên chưa góp vốn hoặc chưa góp đủ số vốn đã cam kết, công ty phải đăng ký thay đổi vốn điều lệ, tỷ lệ phần vốn góp của các thành viên bằng số vốn đã góp trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuối cùng phải góp đủ phần vốn góp theo quy định tại khoản 2 Điều này. Các thành viên chưa góp vốn hoặc chưa góp đủ số vốn đã cam kết phải chịu trách nhiệm tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp đã cam kết đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời gian trước ngày công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ và tỷ lệ phần vốn góp của thành viên.

Đối với công ty cổ phần:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 113 Luật Doanh nghiệp thì các cổ đông phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp,

trừ trường hợp Điều lệ công ty hoặc hợp đồng đăng ký mua cổ phần quy định một thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp cổ đông góp vốn bằng tài sản thì thời gian vận chuyển nhập khẩu, thực hiện thủ tục hành chính để chuyển quyền sở hữu tài sản đó không tính vào thời hạn góp vốn này. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm giám sát, đôn đốc cổ đông thanh toán đủ và đúng hạn các cổ phần đã đăng ký mua.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 113 Luật Doanh nghiệp thì trường hợp sau thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, cổ đông chưa thanh toán hoặc chỉ thanh toán được một phần số cổ phần đã đăng ký mua thì thực hiện theo quy định sau đây:

- Cổ đông chưa thanh toán số cổ phần đã đăng ký mua đương nhiên không còn là cổ đông của công ty và không được chuyển nhượng quyền mua cổ phần đó cho người khác;

- Cổ đông chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua có quyền biểu quyết, nhận lợi tức và các quyền khác tương ứng với số cổ phần đã thanh toán; không được chuyển nhượng quyền mua số cổ phần chưa thanh toán cho người khác;

- Cổ phần chưa thanh toán được coi là cổ phần chưa bán và Hội đồng quản trị được quyền bán;

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua theo quy định tại khoản 1 Điều này, công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ, trừ trường hợp số cổ phần chưa thanh toán đã được bán hết trong thời hạn này; đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập.

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 113 Luật Doanh nghiệp thì cổ đông chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời hạn trước ngày công ty đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều này. Thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm liên đới về các thiệt hại phát sinh do không thực hiện hoặc không thực hiện đúng quy định tại khoản 1 và điểm d khoản 3 Điều này.

16

Câu hỏi: Đề nghị hướng dẫn hồ sơ, trình tự, thủ tục thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh?

➤ **Trả lời:**

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP thì trường hợp thay đổi ngành, nghề kinh doanh, doanh nghiệp gửi Thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ sau đây:

- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký (theo mẫu quy định tại Phụ lục II-1 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT);

- Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và điều kiện tiếp cận thị trường đối với các ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư, cập nhật thông tin về ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.

17

Câu hỏi: Trong quá trình hoạt động, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ trong trường hợp nào?

➤ **Trả lời:**

Theo Khoản Điều 8 Luật Doanh nghiệp thì công ty có thể tăng vốn điều lệ trong trường hợp sau đây:

- Tăng vốn góp của thành viên;
- Tiếp nhận thêm vốn góp của thành viên mới.

Theo Khoản 3 Điều 8 Luật Doanh nghiệp thì công ty có thể giảm vốn điều lệ trong trường hợp sau đây:

Hoàn trả một phần vốn góp cho thành viên theo tỷ lệ phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ của công ty nếu đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho thành viên;

- Công ty mua lại phần vốn góp của thành viên theo quy định tại Điều 51 của Luật này;

- Vốn điều lệ không được các thành viên thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 47 của Luật này.

18 **Câu hỏi:** Công ty cổ phần có thể huy động vốn để tăng vốn điều lệ bằng những cách nào?

➤ **Trả lời:**

Hình thức tăng vốn điều lệ của công ty cổ phần thông qua việc chào bán cổ phần được quy định tại Khoản 1 Điều 123 Luật Doanh nghiệp. Theo đó, chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.

Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo các hình thức sau đây:

- Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu;
- Chào bán cổ phần riêng lẻ;
- Chào bán cổ phần ra công chúng.

Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của công ty đại chúng và tổ chức khác thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

19 **Câu hỏi:** Đề nghị hướng dẫn hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký tạm ngừng kinh doanh?

➤ **Trả lời:**

Căn cứ quy định tại Điều 66 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, trường hợp doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, doanh nghiệp gửi hồ

sơ đăng ký tạm ngừng kinh doanh đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng kinh doanh. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

- Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh (theo mẫu quy định tại Phụ lục II-19 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT);

- Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc tạm ngừng kinh doanh.

Thời hạn tạm ngừng kinh doanh của mỗi lần thông báo không được quá một năm.

Sau khi nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp giấy xác nhận về việc doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh, Phòng Đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp và tình trạng của tất cả các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng tạm ngừng kinh doanh.

20 **Câu hỏi:** Đề nghị cho biết doanh nghiệp giải thể trong trường hợp nào?
➤ Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 207 Luật Doanh nghiệp thì doanh nghiệp bị giải thể trong trường hợp sau đây:

- Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

- Theo nghị quyết, quyết định của chủ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân, của Hội đồng thành viên đối với công ty hợp danh, của Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm

hữu hạn, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần;

- Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật này trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

- Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.

Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài.

21

Câu hỏi: Đề nghị hướng dẫn hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký giải thể doanh nghiệp trong trường hợp theo quyết định của doanh nghiệp?

➤ **Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 70 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP thì việc đăng ký giải thể doanh nghiệp được thực hiện theo trình tự, thủ tục sau đây:

(i) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua nghị quyết, quyết định giải thể quy định tại khoản 1 Điều 208 Luật Doanh nghiệp, doanh nghiệp gửi thông báo về việc giải thể doanh nghiệp (theo mẫu quy định tại Phụ lục II-22 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT) đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Kèm theo thông báo phải có các giấy tờ sau đây:

- Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc giải thể doanh nghiệp;

- Phương án giải quyết nợ (nếu có).

(ii) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo về việc giải thể doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh phải đăng

tải các giấy tờ tại (i) và thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đang làm thủ tục giải thể và gửi thông tin về việc giải thể của doanh nghiệp cho Cơ quan thuế. Doanh nghiệp thực hiện thủ tục hoàn thành nghĩa vụ thuế với Cơ quan thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế.

(iii) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp, doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 210 Luật Doanh nghiệp:

- Thông báo về giải thể doanh nghiệp;
- Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp; danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có).

(iv) Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin về việc doanh nghiệp đăng ký giải thể cho Cơ quan thuế. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của Phòng Đăng ký kinh doanh, Cơ quan thuế gửi ý kiến về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của doanh nghiệp đến Phòng đăng ký kinh doanh. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đã giải thể nếu không nhận được ý kiến từ chối của Cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp.

Khi cần hướng dẫn thủ tục thành lập doanh nghiệp tại thành phố Uông Bí liên hệ ở đâu?

Các đơn vị tư vấn miễn phí và hướng dẫn thủ tục thành lập doanh nghiệp

- **Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Uông Bí**
Địa chỉ: Số 3, đường Trần Hưng Đạo, phường Thanh Sơn, TP. Uông Bí.
- **Phòng Kinh tế thành phố Uông Bí**
Địa chỉ: Số 3, đường Trần Hưng Đạo, phường Thanh Sơn, TP. Uông Bí.
- **UBND các xã, phường trên địa bàn thành phố Uông Bí**
- **Công ty TNHH Đại lý thuế A&T- Văn phòng Uông Bí**
Địa chỉ: Số 330, đường Trần Nhân Tông, phường Thanh Sơn, TP. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Điện thoại: 0912.089.156
- **Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh**
Địa chỉ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ninh, đường Nguyễn Văn Cừ, Cột 8, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Địa điểm làm dịch vụ thành lập doanh nghiệp tại thành phố Uông Bí

- **Công ty TNHH tư vấn SCIART**
Địa chỉ: Tổ 20A, Khu 4, Phường Bắc Sơn, TP Uông Bí, Quảng Ninh
Điện thoại: **0912.388.539**
 - **Công ty TNHH Đại lý thuế A&T**
Lĩnh vực: Đăng ký doanh nghiệp, Thuế, Kế toán, Kiểm toán
Webside: <https://dailythuequangninh.com> Điện thoại: **0912.089.156**
Văn phòng Uông Bí: Số 330, đường Trần Nhân Tông, Phường Thanh Sơn, TP Uông Bí, Quảng Ninh.
-